

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 06/5/2020

“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lê Na**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Thanh Thảo**

Bà **Tôn Thị Xuân Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông **Lê Đức Phương**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 66/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2020/QĐXX-PT ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Kiều Đức Q**, sinh năm 1971. *Vắng mặt.*

Bị đơn: Chị **Trần Thị Hồng T**, sinh năm: 1974. *Có mặt.*

Cùng trú tại: huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Luật sư **Đặng Thị Tâm** – Công ty Luật ASEM VIỆT NAM. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về hôn nhân: Anh **Kiều Đức Q** và chị **Trần Thị Hồng T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phong, huyện Ba Vì ngày 12/4/2000.

Theo anh Q trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị T nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người khác. Anh Q và chị T đã sống ly thân nhau từ năm 2013 nhưng vì các con nên anh chị vẫn ở chung nhà.

Chị T cho rằng trước đây vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2014, do chị phát hiện ra việc anh Q có quan hệ với người phụ nữ khác nên anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị đã cố gắng dàn xếp, giải quyết mâu thuẫn. Hiện nay, chị vẫn còn yêu thương và quan tâm chồng và anh Q vẫn rất quan tâm gia đình.

Cuối tháng 7/2018, anh Q đã chủ động dọn ra ở riêng một mình và đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị T.

Tại bản án sơ thẩm số 34/2018/HNGĐ-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và Bản án phúc thẩm số 142/2018/HNGĐ-PT ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Kiều Đức Q. Từ ngày bị Tòa án xử bác đơn xin ly hôn đến nay, tình cảm vợ chồng giữa anh chị vẫn không được cải thiện. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ngày 13/9/2019, anh Q lại làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Hồng T.

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã thụ lý và giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T thừa nhận giữa chị và anh Q có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Chị vẫn còn tình cảm với chồng và luôn quan tâm đến anh Q. Chị đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q, cho vợ chồng chị được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh Q, chị T có hai con chung là Kiều Công M, sinh ngày 05/9/2001 và Kiều Hồng L, sinh ngày 11/10/2004. Hiện nay cháu M đã trưởng thành, không có nhược điểm thể chất, tâm thần. Anh Q có nguyện vọng được nhận nuôi cháu L, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T không đồng ý ly hôn nên chưa yêu cầu giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 66/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Kiều Đức Q được ly hôn chị Trần Thị Hồng T.

2. Về con chung: Giao cháu Kiều Hồng L, sinh ngày 11/10/2004 cho anh Kiều Đức Q nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T đến khi có yêu cầu khác. Sau khi ly hôn, chị T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05/12/2019, chị Trần Thị Hồng T làm đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 66/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Q, xem xét lại vấn đề con chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T đã xuất trình thêm chứng cứ là một số ảnh chụp, tin nhắn, đĩa CD, đơn đề nghị chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân, đơn đề nghị trưng cầu giám định ADN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi lấy lời khai của cháu L không có sự chứng kiến của người giám hộ. Đưa ra phán quyết chỉ căn cứ vào lời khai của ông Quang và giao cháu L cho ông Quang nuôi.

- Bản án sơ thẩm cho rằng thời điểm năm 2009 vợ chồng anh Q chị T phát sinh mâu thuẫn là không có cơ sở, thực tế đến năm 2014 mới phát sinh mâu thuẫn. Chị T không hề thuê xã hội đen hành hung chồng như lời khai của anh Q.

- Thực tế, quan hệ vợ chồng giữa anh Q chị T có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Biểu hiện là 2 vợ chồng vẫn sống chung, cùng nhau chăm sóc con cái, cùng nhau xây dựng tài sản chung là ngôi nhà năm 2016. Anh Q mặc dù có quan hệ ngoại tình và có con riêng nhưng không hề mong muốn ly hôn mà chỉ vì trách nhiệm ràng buộc với người con riêng nên buộc phải làm đơn xin ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị T không hiểu biết về pháp luật nhưng cán bộ Tòa án chưa giải thích về quyền lợi của chị đối với phần tài sản chung, không hướng dẫn công khai chứng cứ.

Từ những lập luận trên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không giải quyết cho anh Q ly hôn với chị T.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị T đã kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q, cho anh Q được ly hôn chị T.

Về con chung: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị T, sửa bản án sơ thẩm, giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng như nguyện vọng của cháu L tại phiên tòa.

Về tài sản: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong vụ án này do vượt quá phạm vi kháng cáo. Dành quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung sau ly hôn cho các đương sự tại vụ án khác.

Đối với những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến bản chất vụ án, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Đơn kháng cáo của bị đơn là chị Trần Thị Hồng T là hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Kiều Đức Q, anh Q đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Q là đúng theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Kiều Đức Q và chị Trần Thị Hồng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phong, huyện Ba Vì ngày 12/4/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị T nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người khác. Đến cuối tháng 7/2018, mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, anh Q đã chủ động dọn ra ở riêng và đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị T và đã bị hai cấp Tòa án thành phố Hà Nội xử bác đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, từ khi hai vợ chồng đoàn tụ tình cảm vợ chồng giữa anh chị vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn không được giải quyết, vợ chồng vẫn sống ly thân, không quan tâm đến nhau.

Nay anh Q tiếp tục làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T, chị T cho rằng tình cảm chị dành cho anh vẫn còn, anh chị vẫn yêu thương nhau nên không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, chính quyền địa phương xã Tiên Phong nơi anh Q, chị T cư trú cho biết: Anh Kiều Đức Q và chị Trần Thị Hồng T là công dân của xã Tiên Phong, hai anh chị có

đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Tiên Phong. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị T phát sinh từ cuối năm 2017, nguyên nhân do anh Q không chung thủy. Hiện nay hai anh chị vẫn sống chung trên một thửa đất nhưng hai người đã ở riêng, ăn riêng, không ai quan tâm đến ai.

Chị T nhiều lần khẳng định anh Q có quan hệ với người phụ nữ khác, có con riêng và xuất trình nhiều chứng cứ để chứng minh anh Q có quan hệ bất chính, thậm chí có con chung với người phụ nữ khác. Mặc dù anh Q không thừa nhận nhưng cũng không xuất trình được các chứng cứ chứng minh những lời khai và tài liệu mà chị T cung cấp là không đúng sự thật.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có làm đơn đề nghị trưng cầu ADN để chứng minh quan hệ bất chính của anh Q, chị cũng xuất trình tài liệu giám định ADN chứng minh nội dung này, bản thân anh Q không xuất trình được chứng cứ bác bỏ chứng cứ mà chị T đưa ra. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Q và chị T đã kéo dài và trầm trọng nên việc xét nghiệm ADN trong trường hợp này là không cần thiết nên Hội đồng không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định này của chị T.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị T đã kéo dài nhiều năm, mặc dù hai cấp Tòa án của thành phố Hà Nội đã bác đơn xin ly hôn của anh Q năm 2018 để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn giữa anh chị không những không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng. Bản thân chị T cũng nhận thấy anh Q không chung thủy với chị và tìm mọi cách để chứng minh. Đến nay, anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của chị T.

- *Về con chung*: Anh Kiều Đức Q và chị Trần Thị Hồng T có hai con chung là Kiều Công M, sinh ngày 05/9/2001 và Kiều Hồng L, sinh ngày 11/10/2004. Cháu M đủ 18 tuổi, không có nhược điểm thể chất, tâm thần nên Hội đồng xét xử không xét. Anh Q và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu L và không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng. Việc mong muốn trực tiếp nuôi con chung là mong muốn chính đáng của cha, mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, cháu L có đơn trình bày nguyện vọng muốn được sống cùng mẹ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu L là con gái, đang ở độ tuổi vị thành niên rất cần sự dạy bảo, chăm sóc của người mẹ. Bản thân cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng cần sửa bản án sơ thẩm, giao cháu L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh Q không có yêu cầu giải quyết về tài sản, chị T không đồng ý ly hôn, chưa có ý kiến về tài sản nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, chị T có đơn đề nghị chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân được quy định tại Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo đó, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, hiện nay anh Q đang có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nên việc xem xét tài sản chung phải căn cứ vào nguyên tắc giải quyết tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị T không đồng ý ly hôn nên chưa có yêu cầu giải quyết phần tài sản, anh Q không yêu giải quyết phần tài sản. Về tài sản, các đương sự có quyền tự thỏa thuận hoặc yêu cầu tòa án xem xét khi giải quyết vụ án ly hôn. Do vậy, tại cấp sơ thẩm các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng quy định pháp luật nên để đảm bảo quyền kháng cáo và các quyền lợi hợp pháp của các đương sự Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu chia tài sản tại cấp phúc thẩm của bị đơn.

Các đương sự có quyền tự thỏa thuận về việc chia tài sản hoặc có quyền yêu cầu Tòa án chia tài sản vợ chồng sau khi ly hôn.

[4] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Hồng T nên chị T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Kiều Đức Q được ly hôn chị Trần Thị Hồng T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Kiều Hồng L, sinh ngày 11/10/2004 cho chị Trần Thị Hồng T nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không chấp nhận giải quyết yêu cầu của chị Trần Thị Hồng T về việc chia tài sản chung vợ chồng tại cấp phúc thẩm.

Dành quyền khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn cho anh Kiều Đức Q và chị Trần Thị Hồng T trong một vụ án khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Kiều Đức Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp tại Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 24/9/2019 theo biên lai số AG/2010/ 0009619.

Chị Trần Thị Hồng T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm. Trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai số AG/2010/0009786 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ba Vì.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND huyện Ba Vì;
- THADS huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiên Phong, H. Ba Vì;
- Lưu HS+ VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Trần Thị Lê Na